LUYỆN TẬP TỪ ĐỒNG NGHĨA

HỌ VÀ TÊN: LỚP:

BÀI 1: Kéo thả các từ đã cho vào chỗ trống phù hợp

lớn | nơi | ước | lượt | yên | lành

a. Ngày _____ tháng **tốt**.

b. Năm **lần** bảy _____.

c. Sóng _____ biển **lặng**.

d. **Cầu** được _____ thấy.

e. Đao **to** búa _____.

f. Đi đến _____ nơi về đến **chốn**.

Gợi ý: Từ cần tìm đồng nghĩa với từ in đậm trong thành ngữ.

LIVEWORKSHEETS